

Bản án số: 1488/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thảo

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Bùi Thị Bích Thân

2/ Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoài – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1464/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 184/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 07/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1984;
Cư trú: 58/4 P, Phường B, quận B, thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983;
Cư trú: 58/4 P, Phường B, quận B, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn trình bày: Tôi và ông N tự nguyện kết hôn nhân vào năm 2008 và đã được Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống tôi và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp về tính cách, lối sống, ông N không có trách nhiệm với con và gia đình, nên từ tháng 01/2012 tôi và ông N đã sống ly thân, sau đó ông N bỏ nhà đi cho đến nay. Do ông N đã biệt tích và không trở về

nên tôi đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N mất tích. Ngày 05/6/2014, Tòa án nhân dân quận B đã ra quyết định số 214/2015/QĐ-VDS, tuyên bố ông N mất tích. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 10/8/2009. Tôi yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên H, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thông báo việc thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà C và ông N theo quy định của pháp luật, nhưng ông N vắng mặt không lý do, nên các phiên hòa giải đoàn tụ không thể tiến hành được, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông N. Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải đoàn tụ được.

Ngày 19/7/2019, bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố H tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện Kiểm sát thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như đưa vụ án ra xét xử và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia vụ án cũng tuân thủ đúng trình tự luật định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của C. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 10/8/2009. Giao cho bà C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà C yêu cầu được ly hôn với ông N. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông N cư trú tại số 58/4 P, Phường B, quận B, thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông Nguyễn Văn N đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 07/8/2019, 29/8/2019 nhưng ông N vắng mặt không có lý do là ông N đã tự tước đi quyền lợi trình bày và tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

Xét đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/7/2019 của bà C là đúng theo quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C yêu cầu được ly hôn với ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 261 quyền số 01 được Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố H cấp ngày 11/12/2008, nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được thì bà C cho rằng quá trình chung sống giữa bà và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp về tính cách, lối sống, ông N không có trách nhiệm với con và gia đình, nên từ tháng 01/2012 bà và ông N đã ly thân, sau đó ông N bỏ nhà đi, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được. Theo Quyết định số 214/2015/QĐ-VDS, ngày 05/6/2014 của Tòa án nhân dân quận B, tuyên bố ông N, sinh năm 1983, nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 58/4 P, Phường B, quận B, thành phố H mất tích. Như vậy, bà C và ông N sống ly thân đã lâu, giữa hai bên không liên lạc với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn” nên việc bà C yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh bản sao số 346, quyền số 02 ngày 14/8/2009 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố H cấp cho Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 10/8/2009 (nữ) thể hiện mẹ là C cha là N. Như vậy đủ cơ sở xác định bà C, ông N có 01 con chung là H. Xét, Hiện nay trẻ H đang do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông N đã đi khỏi địa phương, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của trẻ H là tiếp tục được sống bà C, nên yêu cầu của bà C có cơ sở để chấp nhận. Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 10/8/2009 (nữ). Ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn N được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục hai con chung tên H; Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà C phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005101 ngày 01/8/2018 của chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Thảo